

Bản án số: 13/2020/DS-ST

Ngày: 13 - 7 - 2020

*“Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Sái Đức Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hợi; ông Dương Viết Vĩnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2020, theo quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2020/QĐDS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn M, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong quá trình giải quyết các đương sự trình bày như sau:

*Nguyên đơn là anh Nguyễn Công T trình bày:* Xuất phát từ mối quen biết từ trước nên ngày 26/4/2018, anh T có cho ông Nguyễn Tuấn M vay 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để ông M giải quyết công việc riêng, thời hạn vay là 30 ngày, vay không lãi suất. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ ông M đã không thực hiện đúng cam kết của mình khi vay tiền của anh T. Từ đó cho đến nay anh T đi lại đòi nợ và nhắc nhở nhiều lần thì ông M mới trả được cho anh 02 lần, mỗi lần là 5.000.000 đồng (*Trong đó có 01 lần trả sau khi anh khởi kiện thì ông M chuyển khoản trả thêm cho anh 5.000.000 đồng*), tổng cộng ông M mới trả được cho anh T 10.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Tuấn M phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền còn nợ là 5.000.000 đồng, về khoản tiền lãi suất chậm trả anh không yêu cầu.

*Bị đơn ông Nguyễn Tuấn M trình bày:* Ông M thừa nhận xuất phát từ quan hệ quen biết từ trước nên ngày 26/4/2018 ông có được vay của anh T số tiền là 15.00.000 đồng để sử dụng chi tiêu cá nhân, vay không lãi suất, thời hạn vay 30 ngày. Sau khi vay được vài ngày ông đã trả được cho anh T 5.000.000 đồng tiền gốc. Sau khi đến hạn trả nợ cho đến thời điểm anh T khởi kiện ông không trả thêm cho anh T khoản tiền nào kể cả gốc và lãi (Sau khi đến Tòa án trình bày về việc anh T khởi kiện ông M có chuyển khoản trả thêm cho anh T số tiền 5.000.000 đồng). Ông T cam kết sẽ trả số tiền còn nợ lại cho anh T và khoản tiền lãi theo quy định nếu anh T có yêu cầu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông M đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được, anh T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nữa, nên vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã nêu trên; anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M trả cho anh số tiền còn nợ lại là 5.000.000đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ kiện dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ: xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, theo quy định khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết đầy đủ, hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa cho ông M theo quy định của BLTTDS, nhưng tại phiên tòa ông M vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ, quy định khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tuấn M theo quy định pháp luật là phù hợp.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các tài liệu chứng cứ, có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định:

Từ mối quan hệ quen biết từ trước nên ngày 26/4/2018, ông Nguyễn Tuấn M có vay của anh Nguyễn Công T 15.000.000 đồng với mục đích chi tiêu công việc cá nhân, khi vay không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn vay 30 ngày. Đến hạn trả nợ ông M không trả hết số tiền đã vay của anh T theo thỏa thuận, mà mới trả cho anh T được số tiền là 5.000.000 đồng tiền vay gốc. Sau khi anh T khởi kiện thì ông M có trả thêm cho anh T số tiền 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh T cũng thừa nhận, ông M đã trả cho anh được 10.000.000 đồng tiền gốc, nay anh chỉ yêu cầu ông M trả cho anh số tiền vay gốc còn nợ lại là 5.000.000 đồng, không yêu cầu trả khoản tiền lãi suất chậm trả. Xét thấy, ông Nguyễn Tuấn M có được vay tiền anh Nguyễn Công T, nhưng khi đến hạn trả nợ đã không trả hết số tiền đã vay cho anh T theo thỏa thuận, mới trả được một phần vay gốc. Như vậy, ông M đã vi phạm nghĩa vụ về thời hạn trả nợ quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, việc anh T khởi kiện yêu cầu ông M trả nợ số tiền vay gốc còn nợ 5.000.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

Về số tiền lãi chậm trả, tại phiên tòa anh T không yêu cầu đối với ông M nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của anh Tuấn được chấp nhận, căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS; Điều 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung vào ngân sách Nhà nước. Hoàn trả lại cho anh T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, các khoản 2 Điều 227, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 429, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Công T.

Về trách nhiệm trả nợ: Buộc ông Nguyễn Tuấn M phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Công T số tiền vay nợ gốc là: 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tuấn M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung vào ngân sách Nhà nước. Hoàn trả lại cho anh T 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001091 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn (anh Nguyễn Công T) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn (ông Nguyễn Tuấn M) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án này được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Sái Đức Trung**